

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thị Như Hoa.

2. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1986 và anh Phạm Ngọc N, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

Vợ chồng chị Trần Thị Q, anh Phạm Ngọc N là bạn bè quen biết với chị T, do tin tưởng nên ngày 14/01/2019 chị T có cho chị Q vay số tiền là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), thỏa thuận 01 tháng trả 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, chị Trần Thị Q là người viết và ký giấy xác nhận nợ tiền đề ngày 14/01/2019. Đến khoảng tháng 02/2019 chị Q có nhờ ông Đức Minh S chuyển khoản trả cho chị T 30.000.000 đồng. Sau đó, chị Q có trả thêm cho chị T số tiền 20.000.000 đồng (chị T không nhớ thời gian cụ thể), tổng cộng chị Q đã trả cho chị T số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Tính từ thời điểm vay đến nay chị Q còn nợ của chị T 65.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức 10%/năm của số tiền 65.000.000 đồng.

Chị Q vay số tiền 115.000.000 đồng của chị T trong thời kỳ hôn nhân với anh Phạm Ngọc N và sử dụng vào mục đích chung của gia đình, nên chị T khởi kiện yêu cầu buộc anh N cùng liên đới với chị Q để trả nợ tiền vay. Do đã quá thời hạn trả tiền vay đã lâu, nhiều lần chị T yêu cầu chị Q, anh N trả nợ nhưng chị Q, anh N trốn tránh không trả. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N phải trả cho chị T số tiền vay gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm của số tiền 65.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Anh Phan Quang T1 là chồng của chị T không liên quan đến số tiền cho vay trên và đây là tài sản riêng của chị T. Do đó, chị T đề nghị Tòa án không đưa anh T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ tham gia giải quyết vụ án nhưng chị Q và anh N đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thì chị Q, anh N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T (tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia giải quyết vụ án), nhưng chị Q và anh N không có ý kiến gì. Chị Q và anh N từ chối nhận toàn bộ các văn bản tố tụng (giấy triệu tập lần 2, các thông báo về phiên họp tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án), nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản từ chối nhận các văn bản tố tụng nêu trên làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Dại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T đối với chị Trần Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Q, anh Phạm Ngọc N phải trả cho chị T tiền vay gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/01/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn là chị Trần Thị Q và anh Phạm Ngọc N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Q, anh Phạm Ngọc N phải trả cho chị T tiền vay gốc là 65.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 14/01/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy chốt nợ

vay ngày 14/1/2019 thể hiện chị Q còn nợ của chị T số tiền gốc là 115.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vào ngày cuối tháng chị Q trả cho chị T 10.000.000 đồng, cả gốc và lãi. Chị T thừa nhận chị Q đã trả cho chị T 50.000.000 đồng tiền gốc, nên hiện nay chị Q chỉ còn nợ của chị T số tiền gốc là 65.000.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ tiền vay: Chị T khởi kiện yêu cầu buộc anh Phạm Ngọc N có trách nhiệm liên đới cùng chị Trần Thị Q trả số tiền nêu trên. Xét thấy, số tiền vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị Q và anh N đang tồn tại. Tuy nhiên, giấy chốt nợ vay ngày 14/1/2019 có nội dung chị Q nợ của chị T số tiền 115.000.000 đồng và chỉ có một mình chị Q ký tên nhận nợ, anh N không tham gia kết hợp đồng vay tiền trên. Chị T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh chị Q sử dụng số tiền vay trên nhằm mục đích chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình chị Q và anh N. Mặt khác, hợp đồng vay tài sản trên không thuộc một trong các trường hợp trách nhiệm liên đới của vợ, chồng quy định tại Điều 27, dẫn chiếu đến các điều 24, 25, 26 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, không có căn cứ buộc anh Phạm Ngọc N liên đới trả nợ vay cùng với chị Trần Thị Q cho chị Phạm Thị Huyền T.

Hợp đồng vay tiền giữa chị Q và chị T (Giấy chốt nợ vay) thuộc trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng, 0,028%/ngày). Vì vậy, tiền lãi của số tiền nợ vay tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/5/2021) là 28 tháng 6 ngày, cụ thể như sau: $(65.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}) + (65.000.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày} \times 0,028\%/\text{ngày}) = 15.215.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi cần buộc chị Trần Thị Q phải trả cho chị Phạm Thị Huyền T là 65.000.000 đồng + 15.215.000 đồng = 80.215.000 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc chị Trần Thị Q phải trả cho chị Phạm Thị Huyền T tổng số tiền là 80.215.000đ (tám mươi triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 15.215.000 đồng.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $80.215.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.011.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T đối với chị Trần Thị Q.

Buộc chị Trần Thị Q phải trả cho chị Phạm Thị Huyền T tổng số tiền là 80.215.000đ (tám mươi triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 15.215.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị Huyền T có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà chị Trần Thị Q không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Q phải chịu 4.011.000đ (bốn triệu không trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Phạm Thị Huyền T số tiền 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án ph ím à chị Nguyễn Thị H đã nộp thay theo bi ên lai thu tạm ứng án ph ílệ ph íTòa án số 0002377 ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu